

Số: 150 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025, như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quan điểm

- Hạ tầng số là hạ tầng của nền kinh tế, được ưu tiên phát triển và bảo vệ. Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số để phục vụ chuyển đổi số và dẫn dắt phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển hạ tầng số tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế đặc biệt là nền kinh tế số, kinh tế nền tảng số. Phát triển hạ tầng số với năng lực, chất lượng cao, băng thông rộng tương đương các nước phát triển trên thế giới, đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu. Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ.

- Hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Mục đích

- Phát triển hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng) thống nhất, ổn định, linh hoạt; thúc đẩy chuyển dịch từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển

ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng dùng chung hạ tầng số, nền tảng số đảm bảo khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong hoạt động quản lý nhà nước; phát triển kinh tế số, cung cấp các dịch vụ số phục vụ người dân và doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu đổi mới, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng mạng 4G, từng bước triển khai mạng 5G; phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông của tỉnh. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng lưới, giảm thiểu các sự cố mất thông tin liên lạc, đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị.

- Cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp viễn thông phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành các mục tiêu đề ra.

3. Yêu cầu

- Cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy.

- Tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan trong việc phát triển hạ tầng, cung cấp dịch vụ viễn thông cho chuyển đổi số.

- Thực hiện triển khai quyết liệt, đồng bộ với sự vào cuộc của các cấp, các ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Mạng viễn thông băng rộng di động

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 95%;
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động đạt 85%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%;
- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed) đạt 45Mb/s;
- Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng đạt 100%;
- Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS đạt 20%.

2. Mạng viễn thông băng rộng cố định

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân đạt 28,5%;
- Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu đạt 100%;
- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed) đạt 120Mb/s;
- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đạt 100%.

3. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây

- 90% hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây;
- 75% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp;
- Trung bình mỗi người dân trưởng thành có 01 tài khoản sử dụng dịch vụ điện toán đám mây.

4. Hạ tầng công nghệ số

Phát triển hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị hợp trục tuyến của các cơ quan nhà nước đảm bảo kết nối thông suốt 3 cấp hành chính từ tỉnh đến xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

5. Nền tảng số có tính chất hạ tầng

- 100% cơ quan, tổ chức nhà nước, 70% doanh nghiệp sử dụng nền tảng số phục vụ chuyển đổi số.
- Hình thành hệ sinh thái nền tảng số đáp ứng cơ bản yêu cầu chuyển đổi số, được sử dụng sâu rộng để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số quốc gia và trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, góp phần quan trọng để đạt được các chỉ tiêu chiến lược quốc gia phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

III. NHIỆM VỤ

1. Hạ tầng viễn thông băng rộng, phổ cập, bền vững, an toàn

a) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s), tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học,... Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao trong các khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

b) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G) trên phạm vi toàn tỉnh; thực hiện lộ trình dừng công nghệ di động cũ (2G/3G) và chương trình thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân.

c) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực có liên quan như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị; ứng dụng IoT vào quản lý, giải quyết các mục tiêu về phát triển và quản lý hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng đô thị).

d) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng lưu trữ, dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc gia hướng đến mục tiêu đưa tỉnh trở thành trung tâm về lưu trữ và xử lý dữ liệu của khu vực.

đ) Đầu tư, xây dựng, phát triển, mở rộng hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây và mạng phân phối dữ liệu để chiếm lĩnh thị phần điện toán đám mây trong tỉnh.

e) Chuyển đổi toàn bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

g) Mở rộng vùng cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các phương thức cáp quang, di động, vệ tinh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

h) Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động/tích cực tích hợp với các hạ tầng liên ngành có tính thiết yếu như điện, nước); triển khai roaming trong nước trên các hạ tầng di động (4G/5G).

i) Triển khai các hoạt động thúc đẩy phổ cập điện thoại di động thông minh, hỗ trợ người dân tiếp cận nhanh với quá trình chuyển đổi số, khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

2. Phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây

a) Xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang theo hướng hiện đại, đạt chuẩn tối thiểu Tier 3 bằng công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, có năng lực tính toán song song, xử lý dữ liệu lớn... để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số, đô thị thông minh và đảm bảo an toàn thông tin.

b) Xây dựng nền tảng điện toán đám mây tỉnh Bắc Giang trên cơ sở kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho chính quyền số trên quy mô toàn tỉnh được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.

c) Nghiên cứu, ban hành các chính sách, tiêu chuẩn yêu cầu tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng IoT trong việc phát triển các lĩnh vực của kinh tế số như thương mại điện tử; chăm sóc sức khỏe từ xa; công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

3. Phát triển hạ tầng công nghệ số

a) Phát triển hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao theo hướng thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo kết nối thông suốt 3 cấp hành chính từ tỉnh đến xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

b) Phát triển, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị hợp trực tuyến của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã để nâng cao chất lượng công tác hợp, trao đổi chuyên môn, phổ biến văn bản và đào tạo, tập huấn qua hình thức trực tuyến; triển khai mô hình phòng họp thông minh hướng đến mục tiêu họp không tập trung và không giấy tờ trên phạm vi toàn tỉnh.

c) Nghiên cứu ứng dụng và thiết lập ban đầu Hệ thống tiêu chuẩn AI, Blockchain, IoT vào các lĩnh vực kinh tế, xã hội để hỗ trợ hiệu quả chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang.

4. Phát triển nền tảng số có tính chất hạ tầng

a) Duy trì, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Bắc Giang kết nối với các hệ thống thông tin dùng chung, CSDL nội bộ của tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NDXP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

b) Xây dựng, phát triển nền tảng phân tích tổng hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu lớn (Big Data) với các phương pháp học máy đảm bảo kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng quản lý, lưu trữ tài liệu số hóa, khai phá dữ liệu, hỗ trợ phân tích ra quyết định các bài toán phục vụ phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số tại các cấp, các ngành và Kho dữ liệu số của tỉnh.

c) Phát triển Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang để quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của tỉnh hình thành trong quá trình chuyển đổi số.

d) Phát triển Cổng dữ liệu mở (Open data) tỉnh Bắc Giang để quản trị dữ liệu số, công bố hiện trạng thông tin về dữ liệu số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin bảo đảm kết nối với Cổng dữ liệu số quốc gia.

đ) Tổ chức chuẩn hóa CSDL dùng chung của tỉnh kết hợp với CSDL dùng chung quốc gia hình thành danh mục CSDL dùng chung thống nhất trong quá trình vận hành, khai thác các hệ thống thông tin.

e) Tiếp cận và ứng dụng hiệu quả các công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số trong quản lý điều hành; tiếp tục duy trì, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Quản lý văn bản và điều hành công việc; Cổng thông tin điện tử của các cấp ủy đảng, chính quyền; Hệ thống chứng thực điện tử và quản lý chữ ký số tỉnh; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh; Hệ thống phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh; Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp...

IV. GIẢI PHÁP

1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng số phát triển trở thành hạ tầng số an toàn, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai, áp dụng các chính sách ưu tiên người sử dụng thiết bị do Việt Nam sản xuất và hỗ trợ, trợ giá cho các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, gia đình có công trên địa bàn tỉnh (kết hợp Chương trình viễn thông công

ích) đảm bảo 100% người dân được tiếp cận chương trình phổ cập thiết bị thông minh (điện thoại thông minh, máy tính bảng).

2. Hạ tầng số là hạ tầng thiết yếu

a) Nghiên cứu, sửa đổi ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về việc tích hợp các thành phần của hạ tầng số (đặc biệt là hạ tầng băng rộng, hạ tầng IoT) trong các công trình xây dựng dân dụng.

b) Bảo đảm trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch của khu vực, của từng địa phương phải có phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet, trạm kết nối quốc tế).

c) Thực hiện hiệu quả quy hoạch hạ tầng viễn thông tích hợp trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

d) Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

đ) Quản lý xây dựng và đảm bảo chất lượng xây dựng các công trình viễn thông theo quy định; tạo điều kiện bố trí vị trí (đất, trụ sở cơ quan, nhà dân,...) khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông;

e) Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại, dữ liệu) sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Thu hút mọi nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số

a) Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số;

b) Khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng, phát triển, khai thác hạ tầng viễn thông và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động (cột anten, cột treo cáp, cống bê tông, hào và tuynel kỹ thuật); đa dạng hóa các dịch vụ viễn thông. Có cơ chế hỗ trợ để thu hút đầu tư viễn thông vào các vùng sâu, vùng xa và các vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.

c) Có chính sách ưu tiên người sử dụng thiết bị do Việt Nam sản xuất và hỗ trợ, trợ giá cho các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, người có công trên địa bàn tỉnh đảm bảo 100% người dân được tiếp cận chương trình phổ cập điện thoại thông minh (smartphone).

d) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, tạo điều kiện để thiết lập từ các đặc khu thí điểm triển khai hạ tầng số.

4. Bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

a) Xây dựng, ban hành và triển khai áp dụng khung quản lý an toàn cơ sở hạ tầng số, bảo đảm việc áp dụng thống nhất các chính sách, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an toàn đối với hạ tầng số.

b) Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phát hiện, xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật; từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

c) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi cung cấp các dịch vụ trên nền tảng số cho tổ chức, cá nhân; có phương án, hệ thống dự phòng bảo đảm an toàn, an ninh cho các tình huống xấu nhất.

5. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ

a) Tập trung nguồn lực về tài chính và con người cho nghiên cứu, phát triển các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực viễn thông nhằm ứng dụng, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp viễn thông.

b) Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong việc thiết lập mạng lưới, cung cấp dịch vụ và sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối viễn thông, đặc biệt là thiết bị di động, thiết bị thu xem truyền hình số nhằm giảm giá thành, phổ cập nhanh các dịch vụ viễn thông đến người dân với chất lượng tốt và giá cước hợp lý.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý, khai thác mạng lưới, cung cấp dịch vụ để giảm chi phí, giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời bảo đảm tính thống nhất, an toàn, an ninh thông tin.

6. Tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của các cấp, các ngành, mạng xã hội để từng bước nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu của các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

c) Tổ chức các hội thảo chuyên đề về phát triển triển hạ tầng viễn thông trở thành hạ tầng số; triển lãm về các giải pháp công nghệ mới phát triển hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh, tuyên dương các doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chiến lược “Make in Viet Nam”.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ngân sách nhà nước được đảm bảo để phục vụ các hoạt động do các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh chủ trì thực hiện theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham mưu chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư

phát triển hạ tầng số; tăng cường dùng chung hạ tầng viễn thông, dùng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng của các ngành khác...

- Chủ trì, hướng dẫn UBND huyện, thành phố và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền về nội dung kế hoạch này và kết quả phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông, triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

- Phối hợp với sở, ngành liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp viễn thông.

- Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin quản lý hạ tầng viễn thông tích hợp với bản đồ số; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông.

- Là đầu mối tổng hợp, định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch này. Kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang.

2. Sở Xây dựng

- Hỗ trợ phát triển, tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong các công trình xây dựng dân dụng; tạo điều kiện trong việc cấp phép xây dựng các công trình xây dựng thuộc hạ tầng số...

- Phối hợp với UBND huyện, thành phố lập danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng viễn thông sử dụng chung; tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng viễn thông sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng viễn thông sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện, thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh đảm bảo kinh phí để triển khai các hoạt động do các cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh phục vụ phát triển hạ tầng viễn thông theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh các giải pháp thu hút các nguồn vốn đầu tư hợp pháp từ doanh nghiệp, xã hội để phát triển hạ tầng số theo đúng quy định.

5. Các sở, ban, ngành khác

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

6. UBND huyện, thành phố

- Xây dựng, bảo đảm quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương có phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chỉ đạo UBND cấp xã, phường, thị trấn trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn quản lý.

- Hỗ trợ phát triển hạ tầng số: cắt giảm thủ tục hành chính, bố trí không gian, địa điểm để lắp đặt thiết bị, nhà trạm, công trình viễn thông, hỗ trợ, thúc đẩy dùng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác...

- Phối hợp các phòng chuyên môn thuộc Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát, đánh giá chất lượng thiết bị kỹ thuật của đài truyền thanh cấp xã xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn huyện, thành phố.

7. Các doanh nghiệp viễn thông, Internet, doanh nghiệp cung cấp trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng công nghệ số, doanh nghiệp chủ quản nền tảng số

- Trên cơ sở những nội dung định hướng của tỉnh nêu tại kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang.

- Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; chấp hành các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư.

- Phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng, thống nhất phương án đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

- Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ theo quy định.

8. Các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang. Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu của các doanh nghiệp viễn thông, Internet, doanh nghiệp cung cấp trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng công nghệ số, doanh nghiệp chủ quản nền tảng số trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, UBND huyện, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, đơn vị;
 - + Lưu: VT, KGVX.Cường.

CHỦ TỊCH



Lê Ánh Dương